

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 23
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được chia tách từ Công ty Xổ số Kiến thiết thuộc Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ theo Quyết định số 58/2004/QĐ-UB ngày 20/01/2004 và chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Hậu Giang theo Quyết định số 2025/QĐ-UB ngày 28/07/2009. Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6406000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang (nay là Sở Tài chính thành phố Cần Thơ) cấp lần đầu ngày 05 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15 số 1800545163 ngày 13/08/2025.

BAN LÃNH ĐẠO VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Các thành viên của Ban Lãnh đạo và Kiểm soát viên đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Hoàng Nam	Chủ tịch
Ông Lê Văn Thắng	Giám đốc
Ông Võ Minh Duy	Phó Giám đốc
Bà Lê Thị Diễm Trang	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Liêm	Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Kiểm soát viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Đỗ Hoàng Nam – Chủ tịch Công ty và Ông Lê Văn Thắng – Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Lãnh đạo



Lê Văn Thắng

Giám đốc

Cần Thơ, ngày 21 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Lãnh đạo
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được lập ngày 21 tháng 01 năm 2026, từ trang 6 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc Công ty chưa được UBND tỉnh Hậu Giang (nay là UBND thành phố Cần Thơ) phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2024. Tuy nhiên, đến ngày 14 tháng 03 năm 2025 Công ty đã nhận được Quyết định của UBND tỉnh Hậu Giang (nay là UBND thành phố Cần Thơ) về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 và đã điều chỉnh vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Đỗ Mạnh Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026

Hoàng Đức Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4876-2024-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.302.410.907.670	1.051.879.779.020
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	692.185.023.436	749.407.801.093
111	1. Tiền		332.185.023.436	489.407.801.093
112	2. Các khoản tương đương tiền		360.000.000.000	260.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	330.000.000.000	40.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		330.000.000.000	40.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		270.861.931.411	247.426.216.194
131	1. Phải thu của khách hàng	5	242.775.710.250	224.539.015.650
132	2. Trả trước cho người bán	6	19.683.797.808	18.512.582.699
135	3. Các khoản phải thu khác	7	8.872.910.833	4.374.617.845
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(470.487.480)	-
140	IV. Hàng tồn kho		8.391.204.675	13.667.906.498
141	1. Hàng tồn kho	8	8.391.204.675	13.667.906.498
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		972.748.148	1.377.855.235
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	972.748.148	1.377.855.235
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		93.919.540.049	103.895.082.885
220	I. Tài sản cố định		91.803.024.949	101.258.789.063
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	43.944.599.942	52.684.718.208
222	- Nguyên giá		90.732.187.017	91.395.467.099
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(46.787.587.075)	(38.710.748.891)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	47.416.387.970	48.132.033.818
228	- Nguyên giá		50.079.420.192	50.623.670.192
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.663.032.222)	(2.491.636.374)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		442.037.037	442.037.037
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	4	2.000.000.000	2.600.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.000.000.000	2.600.000.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		116.515.100	36.293.822
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	116.515.100	36.293.822
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.396.330.447.719	1.155.774.861.905

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		896.330.447.719	655.774.861.905
310	I. Nợ ngắn hạn		896.330.447.719	655.774.861.905
312	1. Phải trả người bán		-	1.208.573.500
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	815.647.521.898	611.904.132.830
315	4. Phải trả người lao động		13.664.699.699	11.878.000.000
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		2.983.835.661	2.306.823.600
321	6. Dự phòng rủi ro trả thưởng	13	55.000.000.000	20.176.861.098
323	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		9.034.390.461	8.300.470.877
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		500.000.000.000	500.000.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	500.000.000.000	500.000.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		500.000.000.000	500.000.000.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.396.330.447.719	1.155.774.861.905

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
		VND	VND
1. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		444.375.587.924	415.498.367.193
2. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		140.000.000.000	130.000.000.000

Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu

Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng



Lê Văn Thắng
Giám đốc

Cần Thơ, ngày 21 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu	16	6.097.148.428.552	5.466.733.939.264
01.1	1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số		6.096.515.200.014	5.466.089.909.043
01.1.1	1.1.1. Xổ số truyền thống		6.096.515.200.014	5.466.089.909.043
01.2	1.2. Doanh thu kinh doanh khác		633.228.538	644.030.221
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	795.197.634.775	712.968.249.028
02.1	2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		795.197.634.775	712.968.249.028
02.1.1	2.1.1. Xổ số truyền thống		795.197.634.775	712.968.249.028
10	3. Doanh thu thuần		5.301.950.793.777	4.753.765.690.236
10.1	3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		5.301.317.565.239	4.753.121.660.015
10.1.1	3.1.1. Xổ số truyền thống		5.301.317.565.239	4.753.121.660.015
10.2	3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác		633.228.538	644.030.221
11	4. Chi phí kinh doanh	18	4.347.464.099.520	3.889.565.987.950
11.1	4.1. Chi phí kinh doanh xổ số		4.347.464.099.520	3.889.565.987.950
11.1.1	4.1.1. Chi phí trả thường		3.225.807.400.000	2.921.927.900.000
11.1.2	4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số		1.121.656.699.520	967.638.087.950
20	5. Lợi nhuận gộp		954.486.694.257	864.199.702.286
20.1	5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số		953.853.465.719	863.555.672.065
20.2	5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác		633.228.538	644.030.221
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	18.463.423.950	14.187.526.183
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	262.549.046.841	276.290.542.769
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		710.401.071.366	602.096.685.700
31	11. Thu nhập khác		29.710.296	304.700.000
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		29.710.296	304.700.000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		710.430.781.662	602.401.385.700
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	143.394.346.418	132.632.519.515
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		567.036.435.244	469.768.866.185

Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu

Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng



Lê Văn Thắng
Giám đốc

Cần Thơ, ngày 21 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		6.688.618.770.400	5.994.307.036.925
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(4.405.191.302.794)	(4.005.074.453.136)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(68.642.132.364)	(56.483.860.966)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(110.526.068.503)	(52.277.907.463)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		252.972.073.514	240.373.070.545
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.749.697.046.470)	(1.629.364.756.124)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		607.534.293.783	491.479.129.781
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(2.022.356.302)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		6.800.000	304.700.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(660.000.000.000)	(470.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		370.000.000.000	900.000.000.000
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		600.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.033.423.950	36.220.293.307
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(275.359.776.050)	464.502.637.005
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(389.397.295.390)	(485.938.092.966)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(389.397.295.390)	(485.938.092.966)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(57.222.777.657)	470.043.673.820
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		749.407.801.093	279.364.127.273
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	692.185.023.436	749.407.801.093


Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu


Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng



Lê Văn Thắng
Giám đốc
Cần Thơ, ngày 21 tháng 01 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được chia tách từ Công ty Xổ số Kiến thiết thuộc Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ theo Quyết định số 58/2004/QĐ-UB ngày 20/01/2004 và chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Hậu Giang theo Quyết định số 2025/QĐ-UB ngày 28/07/2009. Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6406000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang (nay là Sở Tài chính thành phố Cần Thơ) cấp lần đầu ngày 05 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15 số 1800545163 ngày 13/08/2025.

Trụ sở chính của Công ty: Số 151, đường 3/2, phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ.

Vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 122 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 116 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực độc quyền tự nhiên.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xổ số kiến thiết (Mã ngành 9200).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ tháng 06 năm 2025, Bộ Tài chính cho phép Công ty phát hành 14 triệu vé/kỳ dẫn đến doanh thu và chi phí năm 2025 của Công ty tăng so với năm 2024.

Thông tin về công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và bao gồm cả hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty xổ số kiến thiết được Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng rủi ro trả thường;
- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Phân loại và dự phòng đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân bổ chi phí trả trước;
- Dự thu lãi tiền gửi;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng, với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05	năm
- Cây lâu năm	06	năm
- Các tài sản khác	04	năm
- Quyền sử dụng đất	Không thời hạn	
- Phần mềm kế toán	02	năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 01 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Dự phòng rủi ro trả thường

Theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thường là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thường thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thường kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Theo Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thường đối với xổ số truyền thống là 50%.

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thường được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Mức trích lập được xác định như sau: $DPTt = DT \times TLkh - TTtt$

Trong đó:

- DPTt: Mức trích dự phòng trả thường của từng loại hình xổ số;
- DT: Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập;
- TLkh: Tỷ lệ trả thường kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số;
- TTtt: Tổng giá trị trả thường thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.
- Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thường tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thường trong kỳ vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải hoàn nhập vào thu nhập khác. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thường sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thường để trả thường khi tỷ lệ trả thường thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thường kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thường không còn đủ để chi thì phần trả thường thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025 của Quốc hội về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là thuế tiêu thụ đặc biệt của xổ số.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Ghi nhận chi phí tiền lương

Quý tiền lương thực hiện của Công ty được xác định theo hướng dẫn tại Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm kế toán hiện hành.

b. Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xổ số, đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	13.870.092.461	8.553.010.669
Tiền gửi ngân hàng	318.314.930.975	480.854.790.424
Các khoản tương đương tiền (*)	360.000.000.000	260.000.000.000
	<u>692.185.023.436</u>	<u>749.407.801.093</u>

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 4,75%/năm, chi tiết bao gồm:

	31/12/2025
	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
- Chi nhánh Tây Đô	90.000.000.000
- Chi nhánh Cần Thơ	80.000.000.000
- Chi nhánh Ngã Bảy	20.000.000.000
- Chi nhánh Hậu Giang	60.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cần Thơ	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	50.000.000.000
	<u>360.000.000.000</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	330.000.000.000	40.000.000.000
	<u>330.000.000.000</u>	<u>40.000.000.000</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(*) Số dư tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31/12/2025 là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,5%/năm, chi tiết bao gồm:

	31/12/2025
	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
- Chi nhánh Tây Đô	60.000.000.000
- Chi nhánh Hậu Giang	40.000.000.000
- Chi nhánh Cần Thơ	40.000.000.000
- Chi nhánh Ngã Bảy	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	
- Chi nhánh Hậu Giang	40.000.000.000
- Chi nhánh Cần Thơ	70.000.000.000
- Chi nhánh Tây Cần Thơ	30.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	30.000.000.000
- Chi nhánh tỉnh Hậu Giang	
	330.000.000.000

b. Đầu tư dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết		
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	2.000.000.000	2.600.000.000
	2.000.000.000	2.600.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang thực hiện giảm vốn và hoàn lại tiền cho các chủ sở hữu theo tờ trình số 07/TTr-IHG ngày 24 tháng 04 năm 2025.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2025 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	Hậu Giang (nay là Cần Thơ)	40%	40%	In ấn

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên khác		
- Đại lý Thái Phước Đại	24.157.869.650	22.550.976.000
- Đại lý Nguyễn Hoàng Anh	18.778.310.500	17.089.233.000
- Đại lý Mai Hữu Ánh	14.065.851.000	12.543.983.025
- Phải thu đại lý khác	185.773.679.100	172.354.823.625
	242.775.710.250	224.539.015.650

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên khác		
- Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ	19.213.310.328	17.766.981.819
- Các đối tượng khác	470.487.480	745.600.880
	19.683.797.808	18.512.582.699

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Lãi dự thu tiền gửi	6.537.397.260	2.107.397.260
- Tạm ứng	279.187.659	318.820.310
- Thuế TNCN đại lý vé số	2.054.208.400	1.933.400.275
- Phải thu khác	2.117.514	15.000.000
	8.872.910.833	4.374.617.845

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Hàng hóa biếu tặng	4.305.751.275	9.838.815.590
- Vé xổ số	4.085.453.400	3.829.090.908
	8.391.204.675	13.667.906.498

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (**) VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	49.639.915.192	983.755.000	50.623.670.192
- Giảm khác (*)	-	(544.250.000)	(544.250.000)
Số dư cuối năm	49.639.915.192	439.505.000	50.079.420.192
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.849.718.598	641.917.776	2.491.636.374
- Khấu hao trong năm	569.144.184	146.501.664	715.645.848
- Giảm khác (*)	-	(544.250.000)	(544.250.000)
Số dư cuối năm	2.418.862.782	244.169.440	2.663.032.222
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	47.790.196.594	341.837.224	48.132.033.818
Tại ngày cuối năm	47.221.052.410	195.335.560	47.416.387.970

(*) Điều chỉnh giảm nguyên giá và hao mòn lũy kế do hủy tài sản.

(**) Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 125B Trần Bình Trọng, Phường 2, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Chợ Quán, thành phố Hồ Chí Minh). Mục đích sử dụng là để làm trạm thanh hủy và phát hành vé số.
- Quyền sử dụng đất tại nhà số 606 (138 cũ), đường 30 tháng 4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (nay là phường Tân An, thành phố Cần Thơ) gồm 3 thửa: 1 thửa đất lâu dài, 2 thửa đất có thời hạn. Mục đích sử dụng là để làm văn phòng đại diện.
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại nhà số 151, đường 3 tháng 2, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (nay là phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ). Mục đích sử dụng là để làm trụ sở Công ty.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ	138.637.698	205.323.318
- Chi phí quảng cáo hoạt động xổ số kiến thiết	834.110.450	1.172.531.917
	972.748.148	1.377.855.235
b. Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ	116.515.100	36.293.822
	116.515.100	36.293.822

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 02.

13 . DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỜNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Dự phòng rủi ro trả thường đầu năm	20.176.861.098	28.890.000.000
- Trích lập/Hoàn nhập bổ sung trong năm	34.823.138.902	(8.713.138.902)
	55.000.000.000	20.176.861.098

Theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thường tại ngày 31/12/2025 của Công ty tối đa là 67.004.969.613 VND. Tại ngày 31/12/2025, Công ty đủ điều kiện trích lập bổ sung quỹ dự phòng rủi ro trả thường với số tiền là 46.828.108.515 VND. Tuy nhiên, Công ty chỉ trích lập 34.823.138.902 VND do số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thường sau trích lập đã đảm bảo bù đắp được chi trả thường trong trường hợp tỷ lệ trả thường thực tế lớn hơn tỷ lệ trả thường kế hoạch.

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	460.000.000.000	40.000.000.000	-	500.000.000.000
Tăng vốn trong năm trước	40.000.000.000	(40.000.000.000)	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	469.768.866.185	469.768.866.185
Trích lập các quỹ	-	-	(14.401.059.673)	(14.401.059.673)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-	-	(455.367.806.512)	(455.367.806.512)
Số dư cuối năm trước	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	567.036.435.244	567.036.435.244
Trích lập các quỹ (i)	-	-	(16.899.198.736)	(16.899.198.736)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách (i)	-	-	(550.137.236.508)	(550.137.236.508)
Số dư cuối năm nay	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định tại Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025.

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025	Tỷ lệ	01/01/2025	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	500.000.000.000	100,00	500.000.000.000	100,00
	500.000.000.000	100,00	500.000.000.000	100,00

15 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất và trả tiền thuê theo thông báo của Cơ quan thuế chi tiết như sau:

Khu đất	Hợp đồng	Mục đích sử dụng	Thời gian	Diện tích(m ²)
Vị trí 1 Thửa đất số 18,19; tờ bản đồ số: 19, khu vực 2, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (nay là phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ)	Hợp đồng số 1636/HĐTĐ ngày 03/05/2018	Làm trụ sở Công ty	50 năm	124,7

16 . DOANH THU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh xổ số truyền thống	6.096.515.200.014	5.466.089.909.043
Doanh thu khác	633.228.538	644.030.221
	6.097.148.428.552	5.466.733.939.264

17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thuế TTĐB của xổ số truyền thống	795.197.634.775	712.968.249.028
	795.197.634.775	712.968.249.028

18 . CHI PHÍ KINH DOANH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí kinh doanh xổ số	4.347.464.099.520	3.889.565.987.950
- Chi phí trả thường	3.225.807.400.000	2.921.927.900.000
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số (*)	1.121.656.699.520	967.638.087.950
	4.347.464.099.520	3.889.565.987.950

(*) Chi tiết các khoản chi phí trực tiếp phát hành xổ số như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
1. Chi phí cho các đại lý	1.011.032.230.200	906.575.921.600
1.1. Hoa hồng đại lý bán vé	1.005.925.008.000	901.904.835.000
1.2. Chi phí ủy quyền trả thường	5.107.222.200	4.671.086.600
2. Chi phí quay số mở thường, giám sát	2.320.250.000	2.521.300.000
3. Chi phí chống số đề	297.546.000	403.327.750
4. Chi phí dự phòng rủi ro trả thường	34.823.138.902	(8.713.138.902)
5. Chi phí vé xổ số	70.101.818.187	63.327.272.718
6. Chi phí thông tin kết quả mở thường	3.021.716.231	3.463.404.784
7. Chi phí đóng góp cho Hội đồng XSKT khu vực	60.000.000	60.000.000
	1.121.656.699.520	967.638.087.950

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	18.455.314.076	14.026.234.991
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.109.874	161.291.192
	18.463.423.950	14.187.526.183
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 23)</i>	8.109.874	161.291.192

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân công	72.594.274.516	69.076.558.799
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	584.617.705	979.454.025
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.455.764.114	9.864.062.666
Chi phí dự phòng	470.487.480	-
Thuế, phí và lệ phí	196.616.162	175.305.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.294.422.325	5.111.235.560
Chi phí tài trợ	84.687.018.081	91.099.177.537
Chi phí quảng cáo	51.897.365.682	51.562.378.733
Chi phí khác bằng tiền	37.368.480.776	48.422.369.872
	262.549.046.841	276.290.542.769

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	710.430.781.662	602.401.385.700
Các khoản điều chỉnh tăng	6.549.060.305	9.103.386.907
- Chi phí không được trừ	6.549.060.305	9.103.386.907
Các khoản điều chỉnh giảm	(8.109.874)	(161.291.192)
- Lợi nhuận được chia	(8.109.874)	(161.291.192)
Thu nhập chịu thuế TNDN	716.971.732.093	611.343.481.415
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	143.394.346.418	122.268.696.283
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	10.363.823.232
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	107.526.068.503	27.171.456.451
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(110.526.068.503)	(52.277.907.463)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	140.394.346.418	107.526.068.503

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

23 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	Công ty liên kết
Ông Đỗ Hoàng Nam	Chủ tịch
Ông Lê Văn Thắng	Giám đốc
Ông Võ Minh Duy	Phó Giám đốc
Bà Lê Thị Diễm Trang	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Liêm	Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Kiểm soát viên

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận được chia		
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	8.109.874	161.291.192

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Thu nhập của Ban lãnh đạo Công ty	1.924.800.000	4.651.869.154

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu


Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng




Lê Văn Thắng
Giám đốc
Cần Thơ, ngày 21 tháng 01 năm 2026

Phụ lục 01 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	55.401.395.433	13.944.920.192	9.752.593.491	11.486.603.270	454.825.926	355.128.787	91.395.467.099
Số giảm trong năm	-	-	-	(663.280.082)	-	-	(663.280.082)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(132.241.818)	-	-	(132.241.818)
- Giảm khác (*)	-	-	-	(531.038.264)	-	-	(531.038.264)
Số dư cuối năm	55.401.395.433	13.944.920.192	9.752.593.491	10.823.323.188	454.825.926	355.128.787	90.732.187.017
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	13.719.417.518	7.329.982.033	8.044.634.371	8.991.289.149	293.908.149	331.517.671	38.710.748.891
Số tăng trong năm	2.852.166.651	3.752.172.888	726.572.827	1.325.074.284	75.798.288	8.333.328	8.740.118.266
- Khấu hao trong năm	2.852.166.651	3.752.172.888	726.572.827	1.325.074.284	75.798.288	8.333.328	8.740.118.266
Số giảm trong năm	-	-	-	(663.280.082)	-	-	(663.280.082)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(132.241.818)	-	-	(132.241.818)
- Giảm khác (*)	-	-	-	(531.038.264)	-	-	(531.038.264)
Số dư cuối năm	16.571.584.169	11.082.154.921	8.771.207.198	9.653.083.351	369.706.437	339.850.999	46.787.587.075
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	41.681.977.915	6.614.938.159	1.707.959.120	2.495.314.121	160.917.777	23.611.116	52.684.718.208
Tại ngày cuối năm	38.829.811.264	2.862.765.271	981.386.293	1.170.239.837	85.119.489	15.277.788	43.944.599.942

(*) Điều chỉnh giảm nguyên giá và hao mòn lũy kế các tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận theo Tờ trình Giám đốc đã được phê duyệt ngày 25/06/2025.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 12.809.200.143 VND.

Phụ lục 02 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	41.777.687.154	602.374.339.983	598.226.594.805	-	45.925.432.332
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	56.594.094.165	795.197.634.775	789.991.310.276	-	61.800.418.664
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	107.526.068.503	143.394.346.418	110.526.068.503	-	140.394.346.418
- Phải nộp ngân sách lợi nhuận còn lại	-	385.397.295.389	550.137.236.508	389.397.295.390	-	546.137.236.507
- Thuế Thu nhập cá nhân công nhân viên	-	1.862.511.169	8.617.095.690	9.409.895.357	-	1.069.711.502
- Thuế Thu nhập cá nhân đại lý	-	3.579.576.450	50.533.690.970	50.204.390.945	-	3.908.876.475
- Thuế Thu nhập cá nhân người trúng thưởng	-	15.163.500.000	168.771.660.000	167.523.660.000	-	16.411.500.000
- Thuế Thu nhập cá nhân Hội đồng giám sát	-	3.400.000	89.350.000	92.750.000	-	-
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	-	41.131.634	41.131.634	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	611.904.132.830	2.319.159.485.978	2.115.416.096.910	-	815.647.521.898

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

